

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đăng An và bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa dân sự sơ thẩm số 26.3/TB-TA ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu V, sinh năm: 1990 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- *Bị đơn:* Ông Trần Phước S, sinh năm: 1989 (*Vắng mặt*).

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà quen biết với ông Trần Phước S vào năm 2019; vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận số 25 ngày 02/8/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và có 01 con chung là cháu Trần Vương An Nh, sinh ngày 28/10/2019. Nhưng từ khoảng tháng 8/2020 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, ông S sống không có trách nhiệm với gia đình, ham mê game, ăn nhậu không chăm làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và thường xuyên nói dối vợ con; bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông S vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Phước S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có con chung là cháu Trần Vương An Nh, sinh ngày 28/10/2019. Khi ly hôn bà V có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Bà V đồng ý sẽ tạo điều kiện cho ông S được thường xuyên thăm nom con theo qui định của pháp luật.

Về nghề nghiệp: Bà V hiện nay làm nghề đóng nho, táo, hành, tỏi tại địa phương; thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện về kinh tế để lo cho con và do làm công việc tự do nên bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tường trình đề ngày 29/01/2021 bị đơn ông Trần Phước S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông quen biết bà V từ lúc chưa ly hôn với chồng cũ. Nhưng lúc đầu ông không có biết, do nghe bà V nói đã ly hôn rồi, nên ông mới quen và có 01 người con chung là cháu Trần Vương An Nh, sinh ngày 28/10/2019. Bà V có 01 người con trai với chồng cũ, nhưng không hiểu sao trong khoảng thời gian sống chung không chịu đưa tiền lo cho gia đình, nên bà V ra ở trọ tại phòng trọ Ngọc Hoa và ly hôn. Khi ông quen biết bà V thì cũng đồng ý phụ nuôi 02 con, ông chạy xe muối Hasaco, vừa chạy vừa bốc muối nhưng do đường xa nên xin nghỉ và sau làm ở công ty muối Khánh Tường. Do một mình làm nuôi gia đình và phòng trọ không nổi, nên gia đình chuyển về nhà ngoại ở, ông làm phụ hồ trong AMANOI, rồi Vĩnh Hy và tiền công đều đưa cho vợ lo cho gia đình.

Trong quá trình chung sống với bà V tại địa phương ông không làm gì sai, vẫn sinh hoạt bình thường, không đánh hay có hành vi ảnh hưởng đến gia đình và địa phương. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do gia đình vợ sống khắc nghiệt, khoảng tháng 10/2020 công việc của ông bị đình trệ do mưa lũ nên bà V và gia đình đuổi không cho ông vô nhà, coi khinh ông nghèo và thường so sánh với chồng cũ của bà V; ông thương vợ con nên đã cắt khẩu bỏ quê hương theo vợ nên ông không đồng ý ly hôn. Nhưng nếu hòa giải không được mà phải ly hôn thì ông xin giành quyền nuôi con.

Về con chung: Ông S biết qui định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi mẹ nuôi; nhưng với điều kiện của bà V thì không đủ lo cho 02 người con, vì còn có con riêng bị chậm phát triển, kinh tế còn thiếu nợ hơn 300.000.000 triệu đồng từ chồng trước gây ra không có khả năng đóng lãi bị bên cho vay hăm giết con. Do đó, ông S có nguyện vọng được nuôi con.

Bị đơn ông Trần Phước S đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng cố tình trốn tránh nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà V về phân tài

sản chung, nợ chung và không tiến hành hòa giải được để vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Thu V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Võ Thị Thu V đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn ông Trần Phước S không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Võ Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Phước S. Về con chung: Giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu. Bà V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Võ Thị Thu V có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Trần Phước S và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Phước S là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định, thông báo thời gian mở phiên tòa và có thông báo qua điện thoại; nhưng ông Trần Phước S không chấp hành, cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; nên được xem như từ bỏ thực hiện quyền nghĩa vụ của mình và hậu quả pháp lý ông S phải chịu theo qui định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu V và ông Trần Phước S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 02/8/2019 theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 8/2020

cho đến nay. Nguyên nhân theo bà V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống tính cách, ông S sống không có trách nhiệm với gia đình, ham mê game, ăn nhậu không chăm làm ăn lo cho cuộc sống gia đình và thường xuyên nói dối vợ con. Còn ông S trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do gia đình vợ sống khắc nghiệt, coi khinh ông nghèo, thường so sánh với chồng cũ của bà V và đuổi ông ra khỏi nhà; nhưng ông thương vợ con đã cắt khẩu bỏ quê hương theo vợ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo cho ông S biết hợp lệ 02 lần, có thông báo qua điện thoại, nhưng ông S không chấp hành và tại phiên tòa ông S cũng vắng mặt không lý do. Cho thấy, ông S không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Theo biên bản xác minh ngày 10/3/2021 chính quyền địa phương cũng xác nhận vợ chồng bà V, ông S có xảy ra mâu thuẫn kịch liệt và đã ly thân từ cuối năm 2020. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà V, ông S đã trầm trọng không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Võ Thị Thu V xin được ly hôn với ông Trần Phước S là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có con chung là cháu Trần Vương An Nh, sinh ngày 28/10/2019. Khi ly hôn bà V và ông S đều có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, cháu Nh tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới được 19 tháng 03 ngày tuổi và hiện đang sống với bà V ở thôn Thái An. Về điều kiện kinh tế bà V hiện làm nghề buôn bán tự do, đóng nho, táo, hành, tỏi ... và được địa phương xác nhận có thu nhập ổn định. Mặt khác, theo qui định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nh cho bà V trực tiếp nuôi là phù hợp theo qui định của pháp luật. Ông Trần Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thu V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu V đối với ông Trần Phước S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Phước S.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Vương An Nh, sinh ngày 28/10/2019 cho bà Võ Thị Thu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Phước S không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thu V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Võ Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024515 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (bà V đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
 - VKSND huyện Ninh Hải;
 - CCTHADS huyện Ninh Hải;
 - Các đương sự;
 - UBND xã V
- (GCNKH số 25 ngày 02/8/2019);
- Lưu HS + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm